

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD06172**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Nghiệp vụ bar**

Số TC: **6**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2458102060821	Lương Hoài	Chương	14/06/2009			7.5	8.0	8.0	7.0	8.0		7.0		7.3
2	2458102060822	Mus To Fa Ro Thìa	Dah	09/08/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
3	2458102060823	Hứa Khánh	Duy	18/10/2009			7	8.0	8.0	8.5	8.0		7.5		7.7
4	2458102060824	Trần Văn	Đặng	24/09/2009			8	7.0	7.0	6.0	7.0		7.0		7.0
5	2458102060825	Nguyễn Ngọc	Hà	23/01/2009			7.5	8.5	8.0	6.0	8.0		6.5		6.9
6	2458102060826	Quách Ngọc Gia	Hân	23/01/2009			9.5	8.0	7.5	8.0	7.5		7.0		7.4
7	2458102060827	Phạm Diễm	Huỳnh	08/10/2009			6.5	9.0	8.0	9.0	8.0		7.0		7.5
8	2458102060828	Lê Thị Kim	Hương	16/02/2009			7.5	8.5	5.0	7.0	5.0		8.0		7.4
9	2458102060829	Trần Anh	Kiệt	20/04/2009			7.5	7.0	7.0	8.0	7.0		5.0		5.9
10	2458102060830	Nguyễn Thị Thúy	Lan	01/10/2009			8	9.0	8.5	9.0	8.5		8.0		8.3
11	2458102060831	Lương Thị Huỳnh	Lê	14/01/2009			6	5.0	7.0	5.0	7.0		7.5		6.9
12	2458102060832	Lâm Tuệ	Mỹ	14/11/2009			8.5	5.0	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6
13	2458102060835	Nguyễn Thị Xuân	Nga	27/11/2009			5.5	6.0	8.0	5.0	8.0		7.0		6.8
14	2458102060836	Đặng Phương	Nghi	19/12/2008			7	8.0	7.0	5.0	7.0		7.0		6.9
15	2458102060837	Trần Hữu	Nghĩa	14/10/2009			6	8.0	7.0	6.0	7.0		7.0		7.0
16	2458102060838	Lê Huỳnh Hoài	Ngọc	03/11/2008			7	8.0	7.0	7.5	7.0		8.0		7.7
17	2458102060839	Đình Trung	Nguyễn	25/05/2009			6.5	5.0	7.0	4.0	7.0		5.0		5.3
18	2458102060841	Hồ Nguyễn Khánh	Nhi	05/04/2009			5	8.0	6.0	5.0	6.0		8.0		7.2
19	2458102060843	Trần Hữu	Phát	14/03/2009			7	5.0	5.0	8.0	5.0		7.0		6.6
20	2458102060844	Huỳnh Nhật	Phúc	06/09/2009			4	8.0	5.0	7.5	5.0		7.5		6.9
21	2458102060845	Trần Văn	Phúc	26/04/2009			5	7.5	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7
22	2458102060846	Nguyễn Thành Nam	Quân	23/02/2009			6.5	7.5	7.0	8.0	7.0		8.0		7.7
23	2458102060847	Nguyễn Xuân	Quốc	31/08/2009			6.5	5.0	7.0	4.0	7.0		8.0		7.1
24	2458102060849	Tạ Chí	Tâm	29/10/2009			0	7.0	5.0	6.5	5.0		6.5		6.0
25	2458102060850	Huỳnh Văn	Thành	03/09/2009			8	8.0	7.0	6.0	7.0		8.5		7.9
26	2458102060851	Phạm Gia	Thịnh	25/03/2009			4	8.5	5.0	7.0	5.0		8.5		7.5
27	2458102060852	Diệp Trần Phúc	Tinh	15/01/2009			7.5	7.0	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9
28	2458102060853	Nguyễn Đình Gia	Trí	16/12/2008			6	8.0	5.0	7.0	5.0		8.0		7.3
29	2458102060854	Hồ Ngọc	Trình	21/04/2009			7.5	8.5	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3
30	2458102060855	Nguyễn Trọng	Tuấn	03/07/2009			8	7.0	6.5	6.0	6.5		7.5		7.2
31	2458102060856	Nguyễn Khắc	Vĩ	24/03/2009			6	7.0	9.0	7.0	9.0		9.0		8.5
32	2458102060858	Nguyễn Thị Kim	Xoàn	06/11/2008			8	8.0	6.0	6.0	6.0		7.5		7.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lý Thị Ngọc Yến